TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN P** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28/3/2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Tạ Văn Cung**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Nguyễn Hồng Lành**

Bà **Dương Thị Tú Phương**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 322/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về việc ***"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị S, sinh năm 1978;

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1977;

Địa chỉ: ấp V, xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chị S vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Ch vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2022, các lời khai tiếp theo có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Ch xây dưng hôn nhân năm 2014 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. Do cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, cuộc sống vợ chồng thường xuyên sảy ra cự cãi, hiện tại tình cảm vợ chồng cũng không còn, từ đó vợ chồng đã ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay, từ lúc ly thân đến nay chị và anh Ch không có gặp nhau hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng, nay chị xác định hôn nhân không thể tiếp tục được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch.

Về con chung: Quá trình chung sống chị và anh Ch có ba người con chung tên Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/5/2014, Nguyễn Thị Như Ý, sinh năm 2002 và Nguyễn Văn S, sinh năm 2001; hiện cháu Tứ đang sống chung với anh Ch, cháu Ý và cháu Sách đã có cuộc sống riêng. Khi ly hôn chị yêu cầu giao cháu Tứ cho anh Ch tiếp tục nuôi gì cháu đã sống ổn định với anh Ch, chị không cấp dưỡng. Đối với cháu Ý và cháu Sách đã thành niên và có cuộc sống riêng nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh Ch vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P trình bày quan điểm*:

+ Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tuy nhiên Thẩm phán thực hiện chưa đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với đương sự từ khi tham gia tố tụng đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Đối với bị đơn Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do là vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho chị S được ly hôn với anh Ch; giao cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/5/2014 cho anh Ch được tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; Chị S không phải cấp dưỡng nuôi con; Chị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Án phí nguyên đơn phải chịu 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; sau khi nghe ý kiến phát biểu đề xuất của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Chị Phạm Thị S yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch, anh Ch có địa chỉ thường trú tại huyện P, tỉnh Bạc Liêu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P theo quy định tại Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Chị S có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Ch đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị S và anh Ch là phù hợp quy định tại Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Ch xây dựng hôn nhân năm 2014 và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nguyên nhân ly hôn theo Chị S trình bày là do vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, hiện tại tình cảm vợ chồng cũng không còn nữa, trong thời gian ly thân từ năm 2019 đến nay, từ lúc ly thân đến nay mỗi người ở một

nơi, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau, các bên cũng không có biện pháp hàn gắn lại cuộc sống vợ chồng. Mặc khác anh Ch đã được Tòa án triệu tập hòa giải đoàn tụ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, điều này chứng tỏ anh Ch không có thiện chí đoàn tụ, từ đó cho thấy hôn nhân của Chị S và anh Ch lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Chị S, cho Chị S được ly hôn với anh Ch.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu của Chị S yêu cầu giao cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/5/2014 cho anh Ch nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy việc giao con chung cho cha hay mẹ phải xuất phát từ quyền lợi về mọi mặt để đảm bảo cho con chung có điều kiện sống tốt nhất, từ khi Chị S và anh Ch sống ly thân với nhau một thời gian dài thì anh Ch là người trực tiếp nuôi cháu Tứ, hiện tại cháu Tứ cũng có cuộc sống ổn định và phát triển tốt. Trên cơ sở cân nhắc quyền lợi về mọi mặt của con chung, về điều kiện nuôi con của anh Ch, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/5/2014 cho anh Ch được tiếp tục nuôi dưỡng, Chị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[7] Xét đề nghị của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[8] *Về án phí:* Chị S phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chị Phạm Thị S được ly hôn với anh Nguyễn Văn Ch.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phước T, sinh ngày 10/5/2014 cho anh Ch được tiếp tục chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, chị Phạm Thị S có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc Chị S phải nộp 300.000đ; Chị S đã dự nộp 300.000đ tại biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005434 ngày 14/10/2022 được chuyển thu án phí trong giai đoạn thi hành án.

6. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bạc Liêu;
-VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- UBND xã H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Tạ Văn Cung

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Dương Thị Tú Phương **Huỳnh Quốc Khuyên** **Tạ Văn Cung**